

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢM CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Kỳ báo cáo từ: 01/01/2022 đến 31/12/2022

STT	Tên công cụ	Mã công cụ	Ngày giảm	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Công cụ dụng cụ khác				13		12.014.800
1	Bình chữa cháy	T03764094-286	30/09/2022	Phòng hành chính	10	241.500	2.415.000
2	Xe đẩy thức ăn bán trú	T03764094-353	30/09/2022	Bếp	1	3.200.000	3.200.000
3	Xe đẩy thức ăn bán trú	T03764094-321	30/09/2022	Bếp	2	3.199.900	6.399.800
	Công cụ dụng cụ văn phòng				8		10.150.008
1	Quạt treo	T03764094-243	30/09/2022	Phòng học	4	1.200.001	4.800.004
2	Quạt trần Mỹ Phong	T03764094-219	30/09/2022	Phòng hành chính	4	1.337.501	5.350.004
	Máy móc thiết bị điện, điện tử				44		160.457.660
1	Hệ thống âm thanh phòng học	T03764094-227	30/09/2022	Phòng hành chính	5	2.246.200	11.231.000
2	Loa soundmax A800	T03764094-250	30/09/2022	Phòng vi tính	10	1.965.106	19.651.060
3	Màn hình Acer	T03764094-111	30/09/2022	Phòng vi tính	8	2.255.000	18.040.000
4	Máy hát đĩa DVD California	T03764094-167	30/09/2022	Phòng thiết bị	1	1.260.000	1.260.000
5	Máy in HP	T03764094-186	30/09/2022	Phòng hành chính	1	2.356.000	2.356.000
6	Máy in canon	T03764094-129	30/09/2022	Phòng hành chính	1	3.150.000	3.150.000
7	Máy vi tính học sinh	T03764094-352	30/09/2022	Phòng vi tính	8	5.002.800	40.022.400
8	Máy vi tính học sinh	T03764094-274	30/08/2022	Phòng vi tính	10	6.474.720	64.747.200
TỔNG CỘNG					65		182.622.468

Hồ Chí Minh, Ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Ke toán
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHAN DAN QUAN GO VAP

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRUONG THCS LY TU TRONG

Mã đơn vị: T03764094

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 092-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
II	Tài sản giao mới												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
III	Tài sản đi thuê												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												

IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang



Ghi chú:

- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toán và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê: Đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

BẢNG KÊ TẶNG GIẢM CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Kỳ báo cáo từ: 01/01/2022 đến 31/12/2022

STT	Tên công cụ/Tên nhóm công cụ	Mã công cụ	Ngày tặng/giảm	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
PHẦN TẶNG							
	Tủ các loại				2		17.226.000
1	Tủ đựng đồ bán trú màu xám 09F	T03764094-491	31/08/2022	Phòng học	1	7.945.000	7.945.000
2	Tủ đựng đồ bán trú màu xám 981-3K	T03764094-492	31/08/2022	Phòng học	1	9.281.000	9.281.000
	Tổng số				2		17.226.000
PHẦN GIẢM							
	Công cụ dụng cụ khác				13		12.014.800
1	Bình chữa cháy	T03764094-286	30/09/2022	Phòng hành chính	10	241.500	2.415.000
2	Xe đẩy thức ăn bán trú	T03764094-353	30/09/2022	Bếp	1	3.200.000	3.200.000
3	Xe đẩy thức ăn bán trú	T03764094-321	30/09/2022	Bếp	2	3.199.900	6.399.800
	Công cụ dụng cụ văn phòng				8		10.150.008
1	Quạt treo	T03764094-243	30/09/2022	Phòng học	4	1.200.001	4.800.004
2	Quạt trần Mỹ Phong	T03764094-219	30/09/2022	Phòng hành chính	4	1.337.501	5.350.004
	Máy móc thiết bị điện, điện tử				44		160.457.660
1	Hệ thống âm thanh phòng học	T03764094-227	30/09/2022	Phòng hành chính	5	2.246.200	11.231.000
2	Loa soundmax A800	T03764094-250	30/09/2022	Phòng vi tính	10	1.965.106	19.651.060
3	Màn hình Acer	T03764094-111	30/09/2022	Phòng vi tính	8	2.255.000	18.040.000
4	Máy hát đĩa DVD California	T03764094-167	30/09/2022	Phòng thiết bị	1	1.260.000	1.260.000
5	Máy in HP	T03764094-186	30/09/2022	Phòng hành chính	1	2.356.000	2.356.000
6	Máy in canon	T03764094-129	30/09/2022	Phòng hành chính	1	3.150.000	3.150.000
7	Máy vi tính học sinh	T03764094-352	30/09/2022	Phòng vi tính	8	5.002.800	40.022.400
8	Máy vi tính học sinh	T03764094-274	30/08/2022	Phòng vi tính	10	6.474.720	64.747.200
	Tổng số				65		182.622.468

Hồ Chí Minh, Ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Ke toán
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Hiệu trưởng
(Ký, họ tên và đóng dấu)



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÝ THƯỜNG KIỆT
QUẬN BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH



Duong Hữu Đức

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

Mã đơn vị: T03764094

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất																
II	Nhà																
II	Xe Ô tô																
III	Tài sản cố định khác	587.299,57															
	Tài sản có nguyên giá trên 500 triệu																
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu	587.299,57															
1	Máy vi tính văn phòng	9.930,00					X				Hủy bỏ						
2	Máy vi tính văn phòng	9.930,00					X				Hủy bỏ						
3	Máy vi tính	52.815,00					X				Hủy bỏ						
4	Máy bộ vi tính	11.685,30					X				Hủy bỏ						
5	Máy vi tính văn phòng	7.960,00					X				Hủy bỏ						
6	Máy vi tính văn phòng	8.327,00					X				Hủy bỏ						
7	Máy bộ vi tính	350.443,10					X				Hủy bỏ						

8	Bộ máy vi tính E7400	11.666,90				X				Hủy bỏ				
9	Máy vi tính văn phòng	9.120,00				X				Hủy bỏ				
10	Máy Noterbook LeNoVo	11.269,76				X				Hủy bỏ				
11	Máy Noterbook LeNoVo	11.269,76				X				Hủy bỏ				
12	Máy Noterbook LeNoVo	11.269,76				X				Hủy bỏ				
13	Máy lạnh Mitsu	15.250,00				X				Hủy bỏ				
14	Máy lạnh Toshiba	12.683,00				X				Hủy bỏ				
15	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
16	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
17	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
18	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
19	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
20	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
21	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				
22	TIVI LCD 32"	6.710,00				X				Hủy bỏ				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHAN DAN QUAN GO VAP

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRUONG THCS LY TU TRONG

Mã đơn vị: T03764094

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2022**

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Ô tô														
II	Tài sản cố định khác		95	1.675.267,72	1.487.219,87	188.047,85	275.930,97								
	Tài sản trên 500 triệu														
	Tài sản dưới 500 triệu		95	1.675.267,72	1.487.219,87	188.047,85	275.930,97								
1	Hàng rào công trường	Phòng bảo vệ	1	44.880,00	44.880,00		26.928,00								
2	Hệ thống PCCC	Phòng bảo vệ	1	95.701,10	95.701,10										
3	Máy vi tính VP	Phòng hành chính	1	11.110,00	11.110,00										
4	Máy vi tính để bàn HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00								
5	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00								
6	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00								
7	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00								

8	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
9	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
10	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
11	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
12	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
13	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
14	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
15	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
16	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
17	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
18	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
19	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00	2.529,40								
20	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
21	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
22	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
23	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
24	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
25	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
26	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
27	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
28	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00	2.275,00								
29	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00	2.529,40								

30	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
31	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
32	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
33	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
34	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
35	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
36	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
37	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		2.529,40							
38	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
39	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
40	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
41	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
42	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
43	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		2.529,40							
44	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
45	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
46	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
47	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
48	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
49	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							
50	Máy vi tính	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		2.275,00							

	HP MSTT																		
51	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
52	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
53	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
54	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
55	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00			2.529,40											
56	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00			2.529,40											
57	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
58	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
59	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
60	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00			2.275,00											
61	Máy photocopy Canon	Phòng hành chính	1	45.138,80	45.138,80														
62	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5HP lớp 6/4	Phòng học	1	11.990,00		11.990,00		5.995,00											
63	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5 HP MSTT	Phòng hành chính	1	12.600,00	12.600,00			6.300,00											
64	Máy điều hòa không khí phòng vi tính	Phòng vi tính	1	13.453,00		13.453,00		1.681,63											
65	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5HP lớp 6/4	Phòng học	1	11.990,00		11.990,00		5.995,00											
66	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5 HP MSTT	Phòng hành chính	1	12.600,00	12.600,00			6.300,00											
67	Máy điều hòa không khí phòng vi tính	Phòng vi tính	1	13.453,00		13.453,00		1.681,63											

68	Lò hấp khử trùng dụng cụ y tế	Phòng Y tế	1	5.922,00	5.922,00												
69	Máy lạnh Asanzo lớp 8/6	Phòng học	1	12.790,00		12.790,00	6.395,00										
70	Máy lạnh Asanzo lớp 8/3	Phòng học	1	10.560,00		10.560,00	5.280,00										
71	Máy lạnh Asanzo lớp 8/3	Phòng học	1	10.560,00		10.560,00	5.280,00										
72	Máy chiếu Projector Sony	Phòng thiết bị	1	42.959,40	42.959,40												
73	TIVI SAMSUNG 43 inch lớp 6/5	Phòng học	1	13.620,00		13.620,00	2.724,00										
74	Tivi Sony 43 inch lớp 8/3	Phòng học	1	10.400,00		10.400,00	2.080,00										
75	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00												
76	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00												
77	Máy ảnh kỹ thuật số	Phòng đoàn đội	1	6.156,00	6.156,00												
78	Tăng Âm	Phòng thiết bị	1	6.600,00	6.600,00												
79	Loa dời	Phòng thiết bị	1	10.450,00	10.450,00												
80	Mixer CFX 12	Phòng thiết bị	1	6.765,00	6.765,00												
81	Hệ thống mạng ADSL	Phòng vi tính	1	12.898,56	12.898,56												
82	BỘ CAMERA QUAN SÁT 2021	Phòng học	1	59.994,00	59.994,00		44.995,50										
83	Hệ thống bảng thông minh	Phòng Lab	1	180.844,51	180.844,51												
84	Hệ thống bảng thông minh	Phòng Lab	1	180.844,51	180.844,51												
85	Máy quay phim Hero 6Blach	Phòng thiết bị	1	10.700,00		10.700,00											
86	Robot Lego	Phòng vi tính	1	10.999,00		10.999,00	4.124,63										

	EV3													
87	ÔN ÁP LIOA	Phòng bảo vệ	1	9.328,99	9.328,99									
88	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	12.844,43		12.844,43	4.816,66							
89	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	10.999,00		10.999,00	4.124,63							
90	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	12.844,43		12.844,43	4.816,66							
91	Đàn organ	Phòng đoàn đội	1	12.000,00	12.000,00									
92	Bộ bàn ghế họp (12 chỗ ngồi)	Phòng phó hiệu trưởng	1	20.845,00		20.845,00	5.211,25							
93	Sàn bếp Inox 2HP	Bếp	1	22.000,00	22.000,00									
94	Tủ nấu cơm Inox 100kg	Bếp	1	16.000,00	16.000,00									
95	Máy xay thịt Inox 2HP	Bếp	1	23.000,00	23.000,00									
	Tổng		95	1.675.267,72	1.487.219,87	188.047,85	275.930,97							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 096-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										Ghi chú		
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))							Sử dụng khác	
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Nhà 578,578 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp									1997	3.996,00	7.446.164,53	1.366.879,82		3.996,00							
2	Đất 578 Lê Đức Thọ, 578 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	3.996,00	16.383.600,00		3.996,00																	

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)



Dương Quỳnh Trang



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DAN QUAN GŨ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 094-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng / diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản, số..., ngày...	Thời hạn cho thuê từ... đến...	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản liên doanh liên kết	Đối tác liên doanh / liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ..., đến)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Nhà, đất															
II	Xe ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tổng	0		0	0	0,00				0,00	0					0,00

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang

Ngày... tháng... năm...
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Hieu Đức